

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **264** /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/11/2019.
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn - Nguyên phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa.

2. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1081/2019/TLST -HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 364/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1980.

HKTT: 17A/86, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ: 230/35 Dương Tử G, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 17A/86, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà P, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà*

Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh M tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2001, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, ông Mạnh thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Bà và ông M đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông M để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Toàn T, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Thị Tuyết T, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/8/2014. Ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn ông Nguyễn Minh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà P, ông M không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông Mạnh là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Toàn T, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Thị Tuyết T, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/8/2014 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông M nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà P xin ly hôn với ông M có địa chỉ cư trú tại: 17A/86, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông M theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P, ông M kết hôn với nhau vào năm 2001, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 128, quyền số 01 ngày 01/10/2001 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà P trình bày: Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, ông M thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông M đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông M đến Tòa án làm việc nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông M không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà P. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 27/8/2019 thì địa phương cho biết vợ chồng ông M, bà P đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông M, bà P là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, giải quyết cho bà P được ly hôn với ông M để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Toàn T, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Thị Tuyết T, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/8/2014. Ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông M không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông M. Từ khi ly thân, các cháu ở cùng với bà P, được bà P chăm sóc ổn định về mọi mặt; Cháu T và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ và các cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý, điều kiện ổn định phát triển mọi mặt của các cháu nên giao cháu T, cháu T và cháu T cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông M nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Minh M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Toàn T, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Thị Tuyết T, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Minh M không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông M được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0008017 ngày 15/5/2019.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Nguyễn Minh M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- UBND P. H, TP. Biên Hòa.
- Lưu VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án tỉnh
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh